

Số: **2739/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **28** tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án Nhà làm việc Công an 76 xã trọng điểm, phức tạp về
an ninh trật tự thuộc Đề án: Xây dựng, củng cố Công an xã,
thị trấn (nơi không bố trí Công an chính quy) trên địa bàn
tỉnh Quảng Ngãi (đợt 2 gồm: 40 Nhà làm việc Công an xã)

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... 11373 Ngày: 29.12.16 Chuyên:.....

TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;
Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Nhà làm việc Công an 36 xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự thuộc Đề án: Xây dựng, củng cố Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí công an chính quy) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng dự án: Nhà làm việc Công an 76 xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự thuộc Đề án: Xây dựng, củng cố Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí công an chính quy) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;
Xét đề nghị của Công an tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 3410/TTr-CAT-PV11(PH41) ngày 17/11/2016 về việc trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đợt 2 gồm: 40 Nhà làm việc Công an xã thuộc Dự án Nhà làm việc Công an 76 xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự thuộc Đề án: Xây dựng, củng cố Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí Công an chính quy) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 281/BC-STC-ĐT ngày 20/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán hạng mục hoàn thành

- Tên dự án: Nhà làm việc Công an 76 xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự thuộc Đề án: Xây dựng, củng cố Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí Công an chính quy) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Nội dung quyết toán đợt 2: Hạng mục 40 nhà làm việc Công an xã.

- Chủ đầu tư: Công an tỉnh Quảng Ngãi.

- Địa điểm xây dựng: 40 xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian khởi công - hoàn thành: tháng 08/2015 - tháng 01/2016.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư dự án (đợt 2):

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	21.825.084.000	19.688.322.000	+ 2.136.762.000
- Vốn NS tỉnh	21.825.084.000	19.688.322.000	+ 2.136.762.000

2. Chi phí đầu tư dự án (đợt 2):

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	24.745.749.000	21.825.084.000
- Xây dựng:	19.896.935.000	19.800.227.000
- Thiết bị:	1.246.000.000	988.000.000
- Quản lý dự án:	412.176.000	0
- Tư vấn:	868.860.560	840.269.000
- Chi phí khác:	269.779.651	196.588.000
- Dự phòng:	2.051.997.789	0

(Chi tiết theo Phụ lục số I kèm theo)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	0		21.825.084.000	
1. Tài sản dài hạn	0		21.825.084.000	
2. Tài sản ngắn hạn	0		0	

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư dự án (đợt 2) là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số	21.825.084.000	
- Vốn NS tỉnh	21.825.084.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

Trong đó: - Nợ phải thu: 0 đồng
- Nợ phải trả: 2.136.762.000 đồng

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục số II kèm theo)

- Nguồn vốn trả nợ cho dự án (đợt 2): Sử dụng nguồn vốn đã bố trí năm 2016 để thanh toán dứt điểm công nợ 2.136.762.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
40 xã trên địa bàn tỉnh	21.825.084.000	0

(Chi tiết theo Phụ lục số II đính kèm)

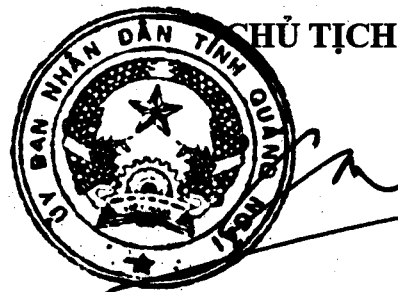
3. Công an tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 281/BC-STC-ĐT ngày 20/12/2016 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Công an tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (NC), CBTH;
- Lưu: VT, NC (trung 725)



Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC SỐ I

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Dự án: Nhà làm việc Công an xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự thuộc Đề án: Xây dựng, củng cố Công an xã (Nhà an ninh không bố trí Công an chính quy) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Đồng

1	CƠ CẤU	Giá trị dự toán chi tiết được duyệt	Giá trị chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với số DT	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
I	XÂY DỰNG	19,896,935,000	19,889,641,000	19,800,227,000	-96,708,000	-89,414,000
1	Gói thầu số 34 (nhà làm việc Công an xã Ba Vi, huyện Ba Tơ)	433,220,000	433,220,000	431,337,000	-1,883,000	-1,883,000
2	Gói thầu số 35 (nhà làm việc Công an xã Ba Điền, huyện Ba Tơ)	394,559,000	394,559,000	392,782,000	-1,777,000	-1,777,000
3	Gói thầu số 36 (nhà làm việc Công an xã Ba Nam, huyện Ba Tơ)	434,750,000	434,750,000	432,773,000	-1,977,000	-1,977,000
4	Gói thầu số 37 (nhà làm việc Công an xã Ba Xa, huyện Ba Tơ)	694,704,000	694,704,000	692,605,000	-2,099,000	-2,099,000
5	Gói thầu số 38 (nhà làm việc Công an xã Ba Ngạc, huyện Ba Tơ)	400,551,000	399,715,000	397,815,000	-2,736,000	-1,900,000
6	Gói thầu số 39 (nhà làm việc Công an xã Ba Khâm, huyện Ba Tơ)	383,300,000	383,300,000	381,491,000	-1,809,000	-1,809,000
7	Gói thầu số 40 (nhà làm việc Công an xã Ba Giang, huyện Ba Tơ)	388,484,000	387,662,000	385,840,000	-2,644,000	-1,822,000
8	Gói thầu số 41 (nhà làm việc Công an xã Ba Cung, huyện Ba Tơ)	376,622,000	376,622,000	374,881,000	-1,741,000	-1,741,000
9	Gói thầu số 42 (nhà làm việc Công an xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn)	431,194,000	431,194,000	428,731,000	-2,463,000	-2,463,000
-	Khối lượng theo hợp đồng	419,870,000	419,870,000	417,407,000	-2,463,000	-2,463,000
-	Bổ sung khối lượng ngoài hợp đồng	11,324,000	11,324,000	11,324,000	0	0
10	Gói thầu số 43 (nhà làm việc Công an xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn)	484,146,000	484,146,000	481,501,000	-2,645,000	-2,645,000

1	CƠ CẤU	Giá trị dự toán chi tiết được duyệt	Giá trị chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với số DT	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
11	Gói thầu số 44 (nhà làm việc Công an xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn)	496,231,000	494,961,000	492,378,000	-3,853,000	-2,583,000
-	Khối lượng theo hợp đồng	481,704,000	480,434,000	477,851,000	-3,853,000	-2,583,000
-	Bổ sung khối lượng ngoài hợp đồng	14,527,000	14,527,000	14,527,000	0	0
12	Gói thầu số 45 (nhà làm việc Công an xã Bình Đông, huyện Bình Sơn)	487,514,000	486,242,000	483,609,000	-3,905,000	-2,633,000
13	Gói thầu số 46 (nhà làm việc Công an xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn)	488,900,000	487,627,000	484,994,000	-3,906,000	-2,633,000
14	Gói thầu số 47 (nhà làm việc Công an xã Bình Trị, huyện Bình Sơn)	488,431,000	487,159,000	484,526,000	-3,905,000	-2,633,000
15	Gói thầu số 48 (nhà làm việc Công an xã Bình Phước, huyện Bình Sơn)	490,456,000	490,456,000	487,892,000	-2,564,000	-2,564,000
16	Gói thầu số 49 (nhà làm việc Công an xã Phò Châu, huyện Đức Phổ)	430,437,000	430,437,000	428,712,000	-1,725,000	-1,725,000
-	Khối lượng theo hợp đồng	412,937,000	412,937,000	411,212,000	-1,725,000	-1,725,000
-	Bổ sung khối lượng ngoài hợp đồng	17,500,000	17,500,000	17,500,000	0	0
17	Gói thầu số 50 (nhà làm việc Công an xã Phò Khánh, huyện Đức Phổ)	428,564,000	428,563,000	426,812,000	-1,752,000	-1,751,000
-	Khối lượng theo hợp đồng	414,981,000	414,980,000	413,229,000	-1,752,000	-1,751,000
-	Bổ sung khối lượng ngoài hợp đồng	13,583,000	13,583,000	13,583,000	0	0
18	Gói thầu số 51 (nhà làm việc Công an xã Phò Vinh, huyện Đức Phổ)	418,118,000	418,118,000	416,323,000	-1,795,000	-1,795,000
19	Gói thầu số 52 (nhà làm việc Công an xã Phò Quang, huyện Đức Phổ)	418,786,000	418,786,000	416,993,000	-1,793,000	-1,793,000
20	Gói thầu số 53 (nhà làm việc Công an xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn)	568,706,000	568,706,000	566,066,000	-2,640,000	-2,640,000
21	Gói thầu số 54 (nhà làm việc Công an xã Long Hiệp, huyện Minh Long)	648,478,000	648,478,000	646,892,000	-1,586,000	-1,586,000
-	Khối lượng theo hợp đồng	607,926,000	607,926,000	606,340,000	-1,586,000	-1,586,000

1	CƠ CẤU	Giá trị dự toán chi tiết được duyệt	Giá trị chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với số DT	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
-	Bổ sung khối lượng ngoài hợp đồng	40,552,000	40,552,000	40,552,000	0	0
22	Gói thầu số 55 (nhà làm việc Công an xã Long Môn, huyện Minh Long)	371,717,000	371,717,000	370,142,000	-1,575,000	-1,575,000
23	Gói thầu số 56 (nhà làm việc Công an xã Đức Lân, huyện Mộ Đức)	475,416,000	475,416,000	472,929,000	-2,487,000	-2,487,000
24	Gói thầu số 57 (nhà làm việc Công an xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức)	766,567,000	766,567,000	764,068,000	-2,499,000	-2,499,000
25	Gói thầu số 58 (nhà làm việc Công an xã Hạnh Tín Đông, huyện Nghĩa Hành)	411,570,000	411,570,000	409,951,000	-1,619,000	-1,619,000
26	Gói thầu số 59 (nhà làm việc Công an xã Sơn Tinh, huyện Sơn Tây)	518,686,000	518,686,000	515,063,000	-3,623,000	-3,623,000
27	Gói thầu số 60 (nhà làm việc Công an xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây)	597,165,000	597,165,000	594,896,000	-2,269,000	-2,269,000
-	Khối lượng theo hợp đồng	571,902,000	571,902,000	569,633,000	-2,269,000	-2,269,000
-	Bổ sung khối lượng ngoài hợp đồng	25,263,000	25,263,000	25,263,000	0	0
28	Gói thầu số 61 (nhà làm việc Công an xã Tinh Phong, huyện Sơn Tinh)	485,383,000	485,383,000	482,883,000	-2,500,000	-2,500,000
29	Gói thầu số 62 (nhà làm việc Công an xã Tinh Hà, huyện Sơn Tinh)	528,154,000	528,154,000	525,546,000	-2,608,000	-2,608,000
-	Khối lượng theo hợp đồng	484,563,000	484,563,000	481,955,000	-2,608,000	-2,608,000
-	Bổ sung khối lượng ngoài hợp đồng	43,591,000	43,591,000	43,591,000	0	0
30	Gói thầu số 63 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa)	412,360,000	411,812,000	410,006,000	-2,354,000	-1,806,000
31	Gói thầu số 64 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa)	803,246,000	803,246,000	801,532,000	-1,714,000	-1,714,000
32	Gói thầu số 65 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa)	476,653,000	476,653,000	474,164,000	-2,489,000	-2,489,000
33	Gói thầu số 66 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa)	411,538,000	411,538,000	409,843,000	-1,695,000	-1,695,000

1	CƠ CẤU	Giá trị dự toán chi tiết được duyệt	Giá trị chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với số DT	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
34	Gói thầu số 67 (nhà làm việc Công an xã Trà Nham, huyện Tây Trà)	616,611,000	616,611,000	614,790,000	-1,821,000	-1,821,000
35	Gói thầu số 68 (nhà làm việc Công an xã Trà Trung, huyện Tây Trà)	666,785,000	666,785,000	662,216,000	-4,569,000	-4,569,000
-	Khối lượng theo hợp đồng	607,449,000	607,449,000	602,880,000	-4,569,000	-4,569,000
-	Bổ sung khối lượng ngoài hợp đồng	59,336,000	59,336,000	59,336,000	0	0
36	Gói thầu số 69 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Đồng, TP Quảng Ngãi)	630,569,000	630,569,000	628,852,000	-1,717,000	-1,717,000
37	Gói thầu số 70 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi)	511,834,000	511,834,000	509,333,000	-2,501,000	-2,501,000
-	Khối lượng theo hợp đồng	478,439,000	478,439,000	475,938,000	-2,501,000	-2,501,000
-	Bổ sung khối lượng ngoài hợp đồng	33,395,000	33,395,000	33,395,000	0	0
38	Gói thầu số 71 (nhà làm việc Công an xã Tịnh Hòa, TP Quảng Ngãi)	477,742,000	477,742,000	475,253,000	-2,489,000	-2,489,000
39	Gói thầu số 72 (nhà làm việc Công an xã Tịnh Kỳ, TP Quảng Ngãi)	469,812,000	469,812,000	467,337,000	-2,475,000	-2,475,000
40	Gói thầu số 73 (nhà làm việc Công an xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi)	478,976,000	478,976,000	476,470,000	-2,506,000	-2,506,000
II	THIẾT BỊ	1,246,000,000	988,000,000	988,000,000	-258,000,000	0
III	QUẢN LÝ DỰ ÁN	412,176,000	0	0	-412,176,000	0
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN	868,860,560	840,269,000	840,269,000	-28,591,560	0
1	Khảo sát, lập dự án	214,142,247	214,142,000	214,142,000	-247	0
2	Thiết kế, BVTC và DT	165,826,163	165,826,000	165,826,000	-163	0
3	Lập HSMT, Đánh giá HSDT	20,945,319	0	0	-20,945,319	0
4	Chi phí GS thi công XD công trình	467,946,831	460,301,000	460,301,000	-7,645,831	0
V	CHI PHÍ KHÁC	269,779,651	302,798,000	196,588,000	-73,191,651	-106,210,000
1	Bảo hiểm công trình	43,884,622	43,885,000	43,885,000	378	0
2	Thẩm định TKBVTC&DT	56,207,778	27,276,000	27,276,000	-28,931,778	0

1	CƠ CẤU	Giá trị dự toán chi tiết được duyệt	Giá trị chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với số DT	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
3	Lệ phí cấp phép xây dựng	4,000,000	0	0	-4,000,000	0
4	Chi phí nghiệm thu đưa vào sử dụng	20,000,000	0	0	-20,000,000	0
5	Thẩm định giá	35,000,000	0	0	-35,000,000	0
6	Kiểm toán B/cáo quyết toán	67,790,385	174,000,000	67,790,000	-385	-106,210,000
7	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	42,896,866	57,637,000	57,637,000	14,740,134	0
VI	DỰ PHÒNG CHI	2,051,997,789	0	0	-2,051,997,789	0
	TỔNG CỘNG	24,745,749,000	22,020,708,000	21,825,084,000	-2,920,665,000	-195,624,000

PHỤ LỤC SỐ II
BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ

Dự án: Nhà làm việc Công an ở trung điểm, phức tạp về an ninh trật tự thuộc Đề án: Xây dựng, củng cố Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí Công an chính quy) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Giá trị thanh toán	Công nợ	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
I		XÂY DỰNG	19,800,227,000	17,942,854,000	0	1,857,373,000
1	Công ty TNHH MTV xây dựng Bảo Ngọc	Gói thầu số 34 (nhà làm việc Công an xã Ba Vì, huyện Ba Tơ)	431,337,000	389,898,000	0	41,439,000
2	Công ty TNHH MTV Minh Khiết	Gói thầu số 35 (nhà làm việc Công an xã Ba Điện, huyện Ba Tơ)	392,782,000	301,460,000	0	91,322,000
3	Công ty TNHH xây lắp Công trình Hoàng Anh	Gói thầu số 36 (nhà làm việc Công an xã Ba Nam, huyện Ba Tơ)	432,773,000	397,376,000	0	35,397,000
4	Công ty TNHH MTV xây dựng Bảo Ngọc	Gói thầu số 37 (nhà làm việc Công an xã Ba Xa, huyện Ba Tơ)	692,605,000	659,526,000	0	33,079,000
5	Công ty TNHH xây dựng Thành Đô	Gói thầu số 38 (nhà làm việc Công an xã Ba Ngạc, huyện Ba Tơ)	397,815,000	379,670,000	0	18,145,000
6	Công ty TNHH xây lắp Công trình Hoàng Anh	Gói thầu số 39 (nhà làm việc Công an xã Ba Khâm, huyện Ba Tơ)	381,491,000	364,135,000	0	17,356,000
7	Công ty TNHH xây dựng Thành Đô	Gói thầu số 40 (nhà làm việc Công an xã Ba Giang, huyện Ba Tơ)	385,840,000	368,675,000	0	17,165,000
8	Công ty TNHH Thành Long	Gói thầu số 41 (nhà làm việc Công an xã Ba Cung, huyện Ba Tơ)	374,881,000	263,716,000	0	111,165,000
9	Công ty TNHH Thành Long	Gói thầu số 42 (nhà làm việc Công an xã Bình Thành Tây, huyện Bình Sơn)	428,731,000	380,000,000	0	48,731,000
10	Công ty TNHH MTV Nhật Khoa	Gói thầu số 43 (nhà làm việc Công an xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn)	481,501,000	387,000,000	0	94,501,000
11	Công ty TNHH XD và SX nhôm sắt Khánh Văn	Gói thầu số 44 (nhà làm việc Công an xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn)	492,378,000	436,547,000	0	55,831,000
12	Công ty TNHH XD và SX nhôm sắt Khánh Văn	Gói thầu số 45 (nhà làm việc Công an xã Bình Đông, huyện Bình Sơn)	483,609,000	442,344,000	0	41,265,000

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Giá trị thanh toán	Công nợ	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
13	Công ty TNHH XD và SX nhôm sắt Khánh Văn	Gói thầu số 46 (nhà làm việc Công an xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn)	484,994,000	443,743,000	0	41,251,000
14	Công ty TNHH XD và SX nhôm sắt Khánh Văn	Gói thầu số 47 (nhà làm việc Công an xã Bình Trị, huyện Bình Sơn)	484,526,000	394,000,000	0	90,526,000
15	Công ty TNHH Thành Long	Gói thầu số 48 (nhà làm việc Công an xã Bình Phước, huyện Bình Sơn)	487,892,000	444,000,000	0	43,892,000
16	Công ty TNHH MTV xây dựng Bảo Ngọc	Gói thầu số 49 (nhà làm việc Công an xã Phò Châu, huyện Đức Phổ)	428,712,000	391,066,000	0	37,646,000
17	Công ty TNHH MTV xây dựng Bảo Ngọc	Gói thầu số 50 (nhà làm việc Công an xã Phò Khánh, huyện Đức Phổ)	426,812,000	394,377,000	0	32,435,000
18	Công ty TNHH MTV xây dựng Bảo Ngọc	Gói thầu số 51 (nhà làm việc Công an xã Phò Vinh, huyện Đức Phổ)	416,323,000	396,090,000	0	20,233,000
19	Công ty TNHH MTV xây dựng Bảo Ngọc	Gói thầu số 52 (nhà làm việc Công an xã Phò Quang, huyện Đức Phổ)	416,993,000	376,100,000	0	40,893,000
20	Công ty Cổ phần 20/7	Gói thầu số 53 (nhà làm việc Công an xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn)	566,066,000	541,001,000	0	25,065,000
21	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Song Thủy	Gói thầu số 54 (nhà làm việc Công an xã Long Hiệp, huyện Minh Long)	646,892,000	577,913,000	0	68,979,000
22	Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Song Thủy	Gói thầu số 55 (nhà làm việc Công an xã Long Môn, huyện Minh Long)	370,142,000	353,011,000	0	17,131,000
23	Công ty TNHH Đông Tây	Gói thầu số 56 (nhà làm việc Công an xã Đức Lân, huyện Mộ Đức)	472,929,000	430,000,000	0	42,929,000
24	Công ty TNHH Đông Tây	Gói thầu số 57 (nhà làm việc Công an xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức)	764,068,000	728,667,000	0	35,401,000
25	Công ty TNHH Đông Tây	Gói thầu số 58 (nhà làm việc Công an xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành)	409,951,000	370,000,000	0	39,951,000
26	Công ty TNHH tổng hợp XD và TM Quang Đình	Gói thầu số 59 (nhà làm việc Công an xã Sơn Tinh, huyện Sơn Tây)	515,063,000	490,000,000	0	25,063,000
27	Công ty TNHH XD Thành Đô	Gói thầu số 60 (nhà làm việc Công an xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây)	594,896,000	586,000,000	0	8,896,000
28	Công ty TNHH XD Lê Cao	Gói thầu số 61 (nhà làm việc Công an xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh)	482,883,000	433,465,000	0	49,418,000

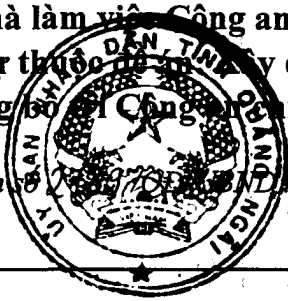
STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Giá trị thanh toán	Công nợ	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
29	Công ty Cổ phần đầu tư và XD Tấn Thịnh	Gói thầu số 62 (nhà làm việc Công an xã Tinh Hà, huyện Sơn Tịnh)	525,546,000	459,351,000	0	66,195,000
30	Công ty TNHH Đông Tây	Gói thầu số 63 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa)	410,006,000	370,000,000	0	40,006,000
31	Công ty TNHH Hoàng Hạ	Gói thầu số 64 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa)	801,532,000	762,851,000	0	38,681,000
32	Công ty TNHH XD Toàn Thắng	Gói thầu số 65 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa)	474,164,000	452,093,000	0	22,071,000
33	Công ty TNHH MTV XD & TM Lê Nguyễn	Gói thầu số 66 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa)	409,843,000	391,000,000	0	18,843,000
34	Công ty TNHH XD Lê Cao	Gói thầu số 67 (nhà làm việc Công an xã Trà Nham, huyện Tây Trà)	614,790,000	584,492,000	0	30,298,000
35	Công ty Cổ phần đầu tư và XD Tấn Thịnh	Gói thầu số 68 (nhà làm việc Công an xã Trà Trung, huyện Tây Trà)	662,216,000	505,541,000	0	156,675,000
36	Công ty TNHH XD Toàn Thắng	Gói thầu số 69 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Đông, TP Quảng Ngãi)	628,852,000	567,512,000	0	61,340,000
37	Công ty TNHH MTV XD & TM Lê Nguyễn	Gói thầu số 70 (nhà làm việc Công an xã Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi)	509,333,000	400,000,000	0	109,333,000
38	Công ty TNHH MTV Hoàng Việt Hải	Gói thầu số 71 (nhà làm việc Công an xã Tinh Hòa, TP Quảng Ngãi)	475,253,000	453,000,000	0	22,253,000
39	Công ty TNHH MTV đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	Gói thầu số 72 (nhà làm việc Công an xã Tinh Kỳ, TP Quảng Ngãi)	467,337,000	422,831,000	0	44,506,000
40	Công ty TNHH MTV Hoàng Việt Hải	Gói thầu số 73 (nhà làm việc Công an xã Tinh Khê, TP Quảng Ngãi)	476,470,000	454,403,000	0	22,067,000
II		THIẾT BỊ	988,000,000	938,891,000	0	49,109,000
1	Công ty TNHH Chế biến Lâm sản xuất khẩu Thành Đạt	Mua sắm trang thiết bị	988,000,000	938,891,000	0	49,109,000
III		CHI PHÍ TƯ VẤN	840,269,000	735,416,000	0	104,853,000
1	Công ty TNHH Tư vấn thiết kế kiến trúc và XD Không gian xanh	Lập dự án	110,589,000	110,589,000	0	0
2	Công ty CP TV XD Minh Trung	Khảo sát địa hình	103,553,000	103,553,000	0	0
3	Thiết kế, BVTC và DT	Thiết kế, BVTC và DT	165,826,000	100,000,000	0	65,826,000

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Giá trị thanh toán	Công nợ	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
4	Công ty TNHH thiết kế và xây dựng Phú Thọ	Chi phí GS thi công XD công trình	81,960,000	72,947,000	0	9,013,000
5	Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Minh Trung		89,349,000	84,058,000	0	5,291,000
6	Công ty TNHH xây dựng Toàn Thắng		94,458,000	76,546,000	0	17,912,000
7	Công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng 43		45,840,000	39,029,000	0	6,811,000
8	Công ty TNHH MTV đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi		97,428,000	97,428,000	0	0
9	Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây lắp Thành Phát		51,266,000	51,266,000	0	0
IV		CHI PHÍ KHÁC	196,588,000	71,161,000	0	125,427,000
1	Công ty Bảo Việt Quảng Ngãi	Bảo hiểm công trình	43,885,000	43,885,000	0	0
2	Sở Xây dựng	Thẩm định TKBVTC&DT	27,276,000	27,276,000	0	0
3	Công ty TNHH Kiểm toán Ksi Việt N	Kiểm toán B/cáo quyết toán	67,790,000	0	0	67,790,000
4	Sở Tài chính	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	57,637,000	0	0	57,637,000
	TỔNG CỘNG		21,825,084,000	19,688,322,000	0	2,136,762,000

PHỤ LỤC SỐ III
TÀI SẢN BÀN GIAO

**Dự án: Nhà làm việc Công an 76 xã trọng điểm, phức tạp về an ninh
trật tự thuộc địa bàn xây dựng, củng cố Công an xã, thị trấn
(nơi không bố trí Công an chính quy) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị tiếp nhận	Tài sản cố định bàn giao
1	UBND xã Ba Vì	478,070,000
2	UBND xã Ba Điền	437,605,000
3	UBND xã Ba Nam	479,601,000
4	UBND xã Ba Ba Xa	752,249,000
5	UBND xã Ba Ngạc	442,893,000
6	UBND xã Ba Khâm	425,763,000
7	UBND xã Ba Giang	430,323,000
8	UBND xã Ba Cung	418,818,000
9	UBND xã Bình Thanh Tây	475,367,000
10	UBND xã Bình Mỹ	530,754,000
11	UBND xã Bình Thạnh	545,063,000
12	UBND xã Bình Đông	535,863,000
13	UBND xã Bình Thuận	537,317,000
14	UBND xã Bình Trị	533,928,000
15	UBND xã Bình Phước	537,456,000
16	UBND xã Phổ Châu	475,306,000
17	UBND xã Phổ Khánh	473,314,000
18	UBND xã Phổ Vinh	462,310,000
19	UBND xã Phổ Quang	463,013,000
20	UBND xã An Vĩnh	619,493,000
21	UBND xã Long Hiệp	704,251,000
22	UBND xã Long Môn	413,837,000
23	UBND xã Đức Lân	524,649,000
24	UBND xã Đức Chánh	830,163,000
25	UBND xã Hành Tín Đông	455,614,000
26	UBND xã Sơn Tinh	566,025,000
27	UBND xã Sơn Tân	649,726,000
28	UBND xã Tịnh Phong	535,094,000
29	UBND xã Tịnh Hà	579,870,000
30	UBND xã Nghĩa Trung	455,682,000

STT	Đơn vị tiếp nhận	Tài sản cố định bàn giao
31	UBND xã Nghĩa Thương	866,529,000
32	UBND xã Nghĩa Hòa	523,046,000
33	UBND xã Nghĩa Hiệp	455,506,000
34	UBND xã Trà Nham	670,578,000
35	UBND xã Trà Trung	720,496,000
36	UBND xã Nghĩa Đông	688,228,000
37	UBND xã Nghĩa Hà	562,850,000
38	UBND xã Tịnh Hòa	527,087,000
39	UBND xã Tịnh Kỳ	515,881,000
40	UBND xã Tịnh Khê	525,466,000
Tổng cộng		21,825,084,000